TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139**/2023/HN-ST
Ngày: 28/11/2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Trần Thị Sẩm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 377/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Trúc M, sinh năm 1987; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Minh Nghĩa, xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Phan Chí C, sinh năm 1985; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Trúc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C do mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên chồng tại ấp T, xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không đồng ý kiến trong sinh hoạt vợ chồng, bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế do sau khi sinh con chị

không đi làm ở nhà giữ con, anh C đi làm có thu thập nhưng chi tiêu khắt khe với chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Vợ, chồng ly thân từ năm 2013 đến nay, khi ly thân thì chị về nhà mẹ ruột tại ấp M, xã N sống còn anh C và các con sống tại nhà chồng. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có trao đổi, hàn gắn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con tên Phan Thành N, sinh ngày 17/09/2010 và Phan Thị Ngọc N1, sinh ngày 16/5/2012. Hiện nay, hai con đang sống chung với C. Khi ly hôn, chị đồng ý giao hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phan Chí C trình bày:

Hôn nhân của anh và chị M có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N Mâu thuẫn giữa vợ chồng là do chị M tự ý về nhà mẹ ruột sống từ năm 2013 đến nay, chị M bỏ đi không về thăm con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị M xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có hai con tên Phan Thành N, sinh ngày 17/09/2010 và Phan Thị Ngọc N1, sinh ngày 16/5/2012. Hiện nay, hai con đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh đồng ý nuôi hai con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Anh C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị M yêu cầu ly hôn với anh C, anh C cũng đồng ý ly hôn nên ghi nhận.

Con chung: có hai con tên Phan Thành N, sinh ngày 17/09/2010 và Phan Thị Ngọc N1, sinh ngày 16/5/2012 khi ly hôn chị M đồng ý để anh C nuôi hai con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh C đồng ý nuôi hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con đề nghị ghi nhận.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của chị Võ Thị Trúc M, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn anh Phan Chí C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Võ Thị Trúc M và anh Phan Chí C là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị M yêu cầu được ly hôn với anh C. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không đồng ý kiến trong sinh hoạt vợ chồng, bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế, anh C khắt khe với chị trong chi tiêu hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Anh C cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do chị M tự ý bỏ nhà ra đi. Anh, chị đều trình bày thống nhất vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Thấy rằng, mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh C là có thật, mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, anh chị đã có thời gian dài ly thân với nhau nhưng không hàn gắn tình cảm được. Anh chị cũng không có thiện chí đoàn tụ, chị M yêu cầu ly hôn và anh C cũng đồng ý ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn của chị M và anh C là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị M và anh C có hai con chung cháu Phan Thành N, sinh ngày 17/09/2010 và Phan Thị Ngọc N1, sinh ngày 16/5/2012, khi ly hôn chị M đồng ý để anh C tiếp tục nuôi hai con chung, chị không cấp dưỡng

nuôi con, anh C yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì Tòa án phải tiến hành lấy ý kiến của con chung trên 07 tuổi. Tuy nhiên, chị M cho rằng hiện nay cả hai con đang sống với anh C chị không dẫn con đến Tòa để cho ý kiến được. Tòa án đã đến nhà anh C để lấy ý kiến con chung nhưng hai cháu đi học không có nhà và anh C cũng không đồng ý để Tòa án đến trường để hỏi ý kiến các con nên Tòa án không thể lấy ý kiến của cháu N và cháu N1 được.

Thấy rằng, từ khi chị M và anh C ly thân thì hai con sống với anh C có cuộc sống ổn định, các con phát triển bình thường nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Đồng thời, chị M và anh C đều thống nhất về vấn đề con chung. Do đó, để đảm bảo môi trường sống và sự phát triển ổn định, bình thường cho các con thì khi ly hôn cần giao hai con chung cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị Mơ d nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị M, anh C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị M, anh C trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, chị M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Trúc M.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Võ Thị Trúc M và anh Phan Chí C thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: có 02 con chung cháu Phan Thành N, sinh ngày 17/09/2010 và cháu Phan Thị Ngọc N1, sinh ngày 16/5/2012. Khi ly hôn giao hai con chung cho anh Phan Chí C được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Phan Chí C không yêu cầu chị Võ Thị Trúc M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Võ Thị Trúc M và anh Phan Chí C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Võ Thị Trúc M và anh Phan Chí C trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Võ Thị Trúc M phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001219 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến